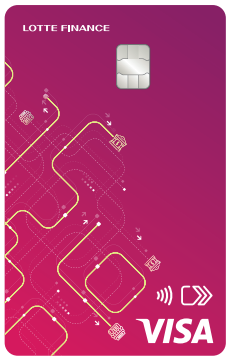
QUY ĐỊNH VỀ BIỂU PHÍ & LÃI SUẤT ÁP DỤNG ĐỐI VỚI THẺ TÍN DỤNG CÁ NHÂN LOTTE FINANCE VISA ALI START CARD, ALI FAST CARD, ALI PLUS CARD, ALI FLEX CARD



(ÁP DỤNG KỂ TỪ NGÀY 10 THÁNG 11 NĂM 2026/ EFFECT FROM 10 NOVEMBER 2026)

STT	LOẠI PHÍ/ FEE	PHÍ/AMOUNT
01	Phát hành thẻ/Card Issuance fee	Miễn phí/Free
02	Phí thường niên/Annual fee(i)	Miễn phí/Free
03	Phí phát hành lại thẻ/Card Re-issuance Fee	110,000/lần/time
04	Phí cấp lại PIN giấy/Epin re-issuance Fee	22,000/lần/time
05	Phí chậm thanh toán/Late payment fee (ii)	3%, tối thiểu/min 100,000
06	Phí thông báo thẻ mất cắp, thất lạc/Lost fee	220,000/lần/time
07	Phí vượt hạn mức/Credit Limit Exceed Fee	Miễn phí/ Free
08	Phí truy vấn thông tin tại ATM/Account Inquiry at ATM fee	8,800/giao dịch/ Transaction
09	Phí SMS/SMS fee (iii)	11,000/tháng/month
10	Phí cung cấp hóa đơn giao dịch/ Transaction slip copy request fee	55,000/bản/Copy
11	Phí cung cấp lại bản sao kê (có đóng dấu)/Statement Copy fee	55,000/bản/Copy
12	Phí tra soát, khiếu nại sai/ Dispute Investigation fee	110,000/yêu cầu/Request
13	Phí giao dịch nước ngoài /Overseas Transaction fee(iv)	3% giá trị giao dịch (transaction value)
14	Phí rút tiền mặt tại ATM/ Cash withdrawal at ATM fee	8,800/giao dịch/Transaction
15	Phí hủy giao dịch trả góp trước hạn/ Early installment transaction cancellation fee	6% x số tiền gốc còn lại/ 6% x remaining principal amount
16	Phí giao dịch đặc biệt/ Special transaction fee	4% x giá trị giao dịch, tối thiểu 100,000/4% x transaction value, min 100,000
17	Phí chuyển đổi trả góp/ Installment fee	Theo quy định tại bảng bên dưới/According to the table below
18	Lãi suất thông thường/Normal Interest rate	

Lưu ý: Biểu phí trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Các mục phí 1, 5, 7, 13, 14, 15, 16, 17 không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

(i) Phí thường niên (nếu có) được thu vào ngày tương ứng với ngày phát hành thẻ tại các năm tiếp theo.

(ii) Phí chậm thanh toán tính theo số tiền mà Chủ thẻ thanh toán không đúng hạn.

(iii) Phí SMS là phí mà LOTTE Finance thu của Chủ thẻ khi đăng ký sử dụng dịch vụ SMS cho phép Chủ thẻ nhận thông báo biến động tài khoản thẻ tín dụng thông qua tin nhắn gửi đến số điện thoại di động.

(iv) Phí giao dịch ở nước ngoài là phí áp dụng cho các giao dịch thanh toán cho các Đơn vị chấp nhận thẻ ở bên ngoài lãnh thổ Việt Nam. Tỷ giá chuyển đổi ngoại tệ do LOTTE FINANCE quy định và lấy theo tỷ giá ban hành từng thời kỳ.

Note: Unit is VND, included VAT. Item 1, 5, 7, 13, 14, 15, 16, 17 without VAT.

(i) The annual fee (if applicable) is charged on the date corresponding to the card issuance date in subsequent years.

(ii) The late payment fee is calculated based on the amount that the Cardholder fails to pay on time.

(iii) SMS fee is the fee that LOTTE Finance collects from the Cardholder when registering to use the SMS service that allows the Cardholder to receive notifications of credit card account fluctuations via text messages sent to mobile phone numbers.

(iv) An overseas transaction fee is a charge applied to payment transactions made at merchants located outside the territory of Vietnam. The foreign currency conversion rate is determined by LOTTE FINANCE and is based on the rates in effect at the time of the transaction.

STT NO	MÃ SCHEME (v) SCHEME CODE	LÃI SUẤT THÔNG THƯỜNG(vi)/ YEARLY NORMAL INTEREST RATE	PHÍ CHUYỂN ĐỔI TRẢ GÓP/THÁNG(vii) INSTALLMENT FEE/MONTH	LÃI SUẤT ÁP DỤNG KHI CHỦ THẺ QUÁ HẠN TRÊN 90 NGÀY (viii) INSTALLMENT FEE/MONTH
01	ISA01, ISA02, ISA03	150% lãi suất thông thường	3,99% x N x giá trị giao dịch (trong đó N là số tháng chuyển trả góp)/ Transaction value	150% lãi suất thông thường/standard interest rate

Lưu ý:

(v) Nhóm đối tượng khách hàng do LOTTE FINANCE phân loại và thông báo cho Khách hàng.

(vi) Lãi suất này áp dụng đối với dư nợ phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, giao dịch rút tiền/ứng tiền mặt, phí. Lãi tính từ ngày giao dịch thẻ được cập nhật vào Hệ thống quản lý Thẻ của LOTTE FINANCE cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ giá trị giao dịch, trừ trường hợp ưu đãi miễn lãi theo quy định của LOTTE FINANCE.

(vii) Toàn bộ phí chuyển đổi trả góp được được phân bổ đều hàng tháng, không thu hết vào kỳ đầu tiên.

(viii) Lãi suất này áp dụng đối với toàn bộ dư nợ gốc và phí trên tài khoản thẻ tín dụng của Chủ thẻ.

Note:

(v) Customer segments as classified and notified to the Customer by LOTTE FINANCE.

(vi) This interest rate applies to the outstanding balance arising from transactions for the purchase of goods or services, cash withdrawals/cash advances, and fees. Interest is calculated from the date the card transaction is recorded in LOTTE FINANCE's Card Management System until the date the Cardholder pays the transaction amount in full, unless an interest-free incentive applies in accordance with LOTTE FINANCE's policies.

(vii) The total installment conversion fee is distributed equally across each month; it is not charged in full during the first billing cycle.

(viii) This interest rate applies to the entire principal balance and fees on the Cardholder's credit card account.